

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 4 - 2020

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hồng Hà;
2. Ông Nguyễn Quang Miên;

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: bà Tổng Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* ông **Nguyễn Đình L**, sinh năm 1961;

ĐKKH và cư trú: thôn CX, xã CA, huyện CG, tỉnh HD;

2. *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962;

ĐKKH: thôn HL, xã HL, huyện NG, tỉnh HD;

Nơi cư trú: thôn T, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

Ông L, bà T có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 06-01-2020; bản tự khai và lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Đình L trình bày: ông và bà Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1983 tại UBND xã HL, huyện NG, tỉnh HD và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại thôn CX, xã CA, huyện CG được 2 năm thì xảy ra

hiều mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung; đến cuối năm 1985 bà T về xã HL, huyện NG ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết và không thể quay về tiếp tục chung sống cùng nhau được; ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà T. Hiện giấy ly hôn bị mất nên ông không có tài liệu chứng minh việc ông và bà T có đăng ký kết hôn.

Về con chung: ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 26-7-1983 và Nguyễn Đình Th, sinh ngày 18- 9-1985. Hai con đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: không có.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 13-3-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: bà và ông L tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 1983 tại UBND xã HL, huyện NG nhưng về thôn CX, xã CA, huyện CG ở. Sau khi đẻ con thứ 2 vào năm 1985 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến không thể tiếp tục sống chung cùng nhau, bà về xã HL, huyện NG ở từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được nhưng vì trước khi làm thủ tục ly hôn ông L không nói với bà 1 câu nên bà chưa đồng ý ly hôn. Do lâu ngày bà không giữ được giấy đăng ký kết hôn.

Về con chung: bà cũng xác định vợ chồng có 2 con chung như ông L khai và các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung, công sức: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-3-2020, ông Nguyễn Cao H trình bày: vào năm 1982-1983 có biết việc đám cưới của ông L bà T, vợ chồng ông L sống tại thôn CX, xã CA vài năm, đẻ được 2 con trai. Sau khi bà T sinh con thứ 2 được 2-3 tháng thì không hiểu vì chuyện gì bà T trả cháu cho ông bà nội và bỏ đi từ đó cho đến nay.

Biên bản xác minh ngày 11-3-2020, UBND xã Cao An cung cấp: qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1973 đến năm 1984 hiện đang lưu giữ tại UBND xã thì không có trường hợp nào đăng ký kết hôn tên chồng là Nguyễn Đình L, vợ là Nguyễn Thị T. Thực tế ông L bà T có được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục và sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn CX, xã CA đến năm 1985 do mâu thuẫn vợ chồng, bà T đã cùng người con lớn bỏ đi từ đó cho đến nay. Mẹ con bà T ở đâu địa phương không nắm được.

Ông L bà T có 2 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 26-7-1983 và Nguyễn Đình Th, sinh ngày 18-9-1985; có khai sinh trong sổ khai sinh của UBND xã Cao An hiện đang lưu giữ tại Ủy ban. Ông L bà T ly thân quá lâu, mỗi người có cuộc sống riêng, hôn nhân không còn tồn tại. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 17-3-2020, UBND xã Hưng Long và Phòng tư pháp huyện Ninh Giang cung cấp: tại UBND xã Hưng Long, huyện Ninh Giang và Phòng tư pháp huyện Ninh Giang không còn lưu sổ đăng ký kết hôn từ năm 1988 trở về trước; chỉ còn lưu sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở lại đây nhưng không có trường hợp đăng ký kết hôn nào có tên chồng là Nguyễn Đình L, vợ là Nguyễn Thị T.

Tại phiên kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông L vẫn kiên quyết ly hôn, bà T không đồng ý.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn khẳng định trong thời gian sống chung, ông L đánh đập bà thâm tím mặt mũi. Tại sao nhiều năm trước ông L không làm đơn ly hôn đi mà cứ kìm hãm cuộc đời của bà; suốt nhiều năm qua vì con bà chịu đựng không ly hôn nên bây giờ già rồi bà không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho ông Nguyễn Đình L ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về án phí: ông L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Đình L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị T, vì ông và bà T không thể thuận tình; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà T hiện cư trú tại thôn T, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh H D; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: theo lời trình bày của ông L, bà T thì ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Long, huyện Ninh Giang vào năm 1983 nhưng ông bà đều không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Hiện nay tại UBND xã Hưng Long và Phòng tư pháp huyện Ninh Giang không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1988 trở về trước nên hôn nhân của ông L bà T được coi là không có đăng ký kết hôn; tuy nhiên cuộc sống chung của ông bà từ năm 1983 được mọi người (hàng xóm và Chính quyền địa phương) thừa nhận và thực tế ông L bà T đã có 02 con chung. Theo khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 03-01-2001, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Đến nay Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực nhưng hướng dẫn về vấn đề này thì chưa có văn bản thay thế. Do vậy, đơn khởi kiện xin ly hôn của ông L được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ ông L xin ly hôn là do quá trình chung sống ông bà bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và 2 người đã ly thân 35 năm nay, không quan tâm nhau. Bà T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa chính bà cũng thừa nhận năm 1985 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, và sống ly thân từ đó đến nay, hai người không còn tình cảm, không thể quay về với nhau được. Ông bà cũng không có biện pháp gì để khắc phục được tình trạng ly thân nhiều năm nay. Việc bà T đưa ra lý do chưa đồng ý ly hôn không phải là bà T còn tình cảm với ông L mà vì trước khi gửi đơn đến Tòa ông L không nói với bà 1 câu, lý do này chỉ là gây khó khăn cho việc xin ly hôn của ông L. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L, bà T đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: các con của ông L bà T đã trưởng thành, tự lập cuộc sống riêng, ông bà không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung, công sức: ông L bà T đều xác định không có nên HĐXX không phải giải quyết;

[3] Về án phí: ông L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình L.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đình L được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: ông Nguyễn Đình L phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà ông L nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010156 ngày 13-01-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: ông L, bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng để ghi vào sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)